

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THUẬN AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 25-8-2020
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Tố Uyên

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Nguyệt

Ông Ngũ Minh Luận

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Trung Tín – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thanh Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 443/2020/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2020 về việc “ly hôn, tranh chấp nuôi con”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 61/2020/QĐ-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị H, sinh năm 1991; địa chỉ: Xóm 3, xã T, huyện T1, tỉnh T2; tạm trú: 11/5C7, khu phố B, phường B1, thành phố B2, tỉnh B3, có yêu cầu xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Lê Đức H1, sinh năm 1984; địa chỉ: Xóm 3, xã T, huyện T1, tỉnh T2; tạm trú: 14A/4, khu phố B, phường B1, thành phố B2, tỉnh B3, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/5/2020, nguyên đơn bà Lê Thị H trình bày:

Bà H và ông Lê Đức H1 tự nguyện sống chung và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T1, tỉnh T2 theo Giấy đăng ký kết hôn số 02, cấp ngày 04/02/2009.

Sau kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc. Tuy nhiên, từ năm 2017 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do vợ chồng không đồng quan điểm và suy nghĩ, vợ chồng thường hay cãi vã. Từ năm 2018 đến nay, do không chịu đựng được mâu thuẫn với ông H1 nên bà H đã chuyển đi nơi khác ở, vợ chồng không còn tình cảm yêu thương, bà H thỉnh thoảng chỉ quay lại thăm con chung. Do nhận thấy hôn nhân không đạt được mục đích nên bà H yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà H được ly hôn với ông Nguyễn Đức Hưng.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, bà H và ông H1 có 01 người tên Lê Quốc T3, sinh ngày 17/5/2010. Bà H tự nguyện giao con chung cho ông Lê Đức H1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Bà H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con số tiền 1.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chứng cứ, tài liệu nguyên đơn cung cấp: Bản chứng thực Chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu; sổ tạm trú và bản sao Trích lục kết hôn và bản sao Trích lục khai sinh.

Bị đơn ông Lê Đức H1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia tố tụng trong suốt quá trình giải quyết vụ án nhưng bị đơn vẫn không đến làm việc cũng không có văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Quá trình đưa vụ án ra xét xử, nguyên đơn bà Lê Thị H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn, con chung, tài sản chung, nợ chung.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng. Bị đơn không chấp hành đúng pháp luật do đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không rõ lý do.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà H và ông H1 đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Bà Lê Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Lê Đức H1 và yêu cầu giải quyết về con chung. Quá trình điều tra của Tòa án xác định bà Lê Thị H và ông Lê Đức H1 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T1, tỉnh T2. Do đó, quan hệ pháp luật trong vụ án này được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Khoản 1, Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Bị đơn ông Lê Đức H1 cư trú tại khu phố B, phường B1, thành phố B2, tỉnh B3, vì vậy theo quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều 35 và Điểm a, Khoản 1, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương thụ lý đúng thẩm quyền.

[1.3] Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt; bị đơn ông Lê Đức H1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng và tham gia phiên tòa xét xử lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do nên căn cứ Điểm b, Khoản 2, Điều 227; Khoản 1, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị H và ông Lê Đức H1 tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T1, tỉnh T2 nên là hôn nhân hợp pháp.

[2.2] Xét thấy, trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Lê Thị H cho rằng từ năm 2017, bà H và ông H1 thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng không hòa hợp về suy nghĩ và quan điểm sống, mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng, cuộc sống hôn nhân ngột ngạt nên từ năm 2018 cho đến nay, bà H và ông H1 đã sống ly thân, hai bên không ai còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Bên cạnh đó, từ khi bà H nộp đơn ly hôn đến Tòa án nhân dân thành phố Thuận An cho đến nay, ông H1 có biết việc bà H muốn ly hôn nhưng không có động thái gì nhằm hàn gắn hạnh phúc gia đình. Ông H1 đã được Tòa án triệu tập nhiều lần để lấy lời khai, hòa giải, tham gia phiên tòa để nhằm mục đích đoàn tụ nhưng vẫn không đến Tòa, thể hiện ý chí ông H1 không có thiện chí đoàn tụ vợ chồng. Từ những cơ sở trên, Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà H và ông H1 là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H về việc yêu cầu được ly hôn với ông H1.

[2.3] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, bà H và ông H1 có 01 người con chung tên Lê Quốc T3, sinh ngày 17/5/2010. Do từ nhỏ, con chung đã sống với vợ chồng bà H và ông H1 cùng với cha mẹ của ông H1, để đảm bảo cho con học hành yên ổn, bà H tự nguyện giao con chung cho ông Nguyễn Đức Hưng tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Quá trình tố tụng, Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của cháu Lê Quốc T3, cháu Tuấn Anh xác nhận hiện đang sống cùng với ông bà nội và cha là ông Lê Đức H1 và cháu Tuấn Anh có nguyện vọng được sống cùng với cha. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bà H có xem xét đến nguyện vọng của cháu Lê Quốc T3, sẽ giao con chung cho ông Lê Đức H1 tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

[2.4] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Xét đây là ý chí tự nguyện của nguyên đơn, phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.5] Về tài sản chung, nợ chung: Do đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.6] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.7] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm gồm án phí giải quyết ly hôn 300.000 đồng và án phí cấp dưỡng 300.000 đồng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1, Điều 28; Điều a, Khoản 1, Điều 35; Điều a, Khoản 1, Điều 39; Khoản 3, Điều 144; Điều b, Khoản 2, Điều 227; Khoản 1, Điều 228; Điều 235; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 9, 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116 và 117 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị H đối với bị đơn ông Lê Đức H1 về việc ly hôn và tranh chấp về nuôi con.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị H được ly hôn với ông Lê Đức H1.

- Về con chung: Ông Lê Đức H1 được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Lê Quốc T3, sinh ngày 17/5/2000.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nuôi con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Lê Thị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung tên Lê Quốc T3, sinh ngày 17/5/2000 số tiền 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành cho đến khi thi hành xong, nếu người phải thi hành án chậm thi hành, thì còn phải chịu lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

- Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Bà Lê Thị H phải chịu 600.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng đã nộp theo Biên lai số 0046586 ngày 22/5/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương. Bà Lê Thị H còn phải nộp 300.000 đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo đúng quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tp. Thuận An;
- Chi cục THADS thị xã Thuận An;
- Ủy ban nhân dân xã Thọ Thố, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 02 ngày 04/02/2009)
- Phòng Tư pháp tp. Thuận An;
- Các đương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA****Nguyễn Tố Uyên**